

Số: 74 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

**Tổng kết hoạt động của UBND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021,
phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026**

Phần I

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA UBND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021**

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Kiên Giang nằm phía Tây Nam của Tổ quốc thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích tự nhiên 634.852,97 ha, đặc điểm tự nhiên tương đối đa dạng (có đồng bằng, rừng núi, biển đảo, có đường biên giới bộ giáp Campuchia dài 56,8km). Bờ biển dài 200 km, có ngư trường khai thác rộng 63.290 km², với hơn 143 hòn đảo lớn, nhỏ; hình thành 5 quần đảo, đảo lớn nhất là đảo Phú Quốc, diện tích 567 km². Dân số hơn 1,723 triệu người, người Kinh chiếm 85%, người Khmer chiếm 12,6%, người Hoa chiếm 2,1%; dân số thành thị chiếm 25,9%, nông thôn chiếm 74,1%, dân số trong độ tuổi lao động chiếm 51,86%. Có 15 đơn vị hành chính cấp huyện (3 thành phố¹, 12 huyện), có 144 đơn vị hành chính cấp xã (116 xã, 18 phường, 10 thị trấn), 950 ấp, khu phố.

1. Thuận lợi

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh Kiên Giang tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức các cấp tinh gọn hiệu quả, có nhiều giải pháp điều hành năng động. Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã tập trung đoàn kết, thống nhất cao trong phát triển kinh tế - xã hội; cơ chế chính sách của tỉnh luôn được đổi mới, bổ sung kịp thời và phù hợp, tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo thêm động lực mới cho sự phát triển trên địa bàn tỉnh.

2. Khó khăn

Do điều kiện địa lý, tỉnh ở xa các trung tâm kinh tế - văn hóa lớn của đất nước, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, bố trí nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu.

¹ Trong đó: thành phố Phú Quốc được thành lập theo Nghị quyết số 1109/NQ-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thành phố Phú Quốc và các phường thuộc thành phố Phú Quốc, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Bên cạnh đó, những năm cuối nhiệm kỳ do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn gây nhiều bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân... đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong đó có tỉnh Kiên Giang.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Hàng năm, UBND tỉnh tổ chức hội nghị tuyên truyền đến UBND cấp huyện và cấp xã các đạo luật mới đã được Quốc hội thông qua đã có hiệu lực thi hành; tổ chức hội nghị triển khai hoặc ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, các thông tư của các Bộ, ngành Trung ương để tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền và trình HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết để cụ thể hoá các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của cơ quan nhà nước cấp trên, tạo khuôn khổ pháp lý để người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật... Trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh đã ban hành 137 quyết định quy phạm pháp luật. Nhìn chung, quyết định của UBND tỉnh sau khi ban hành đều được các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cá nhân, tổ chức liên quan triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả. Trong năm 2016-2017, qua kiểm tra có 06 văn bản trái quy định pháp luật do UBND tỉnh ban hành, đã kịp thời khắc phục hậu quả và chấn chỉnh công tác tham mưu. Từ giữa năm 2017 trở về sau, các văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự và thủ tục theo quy định².

Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể, quyết định theo đa số các vấn đề thuộc thẩm quyền của tập thể UBND, phát huy vai trò và trách nhiệm của tập thể UBND; đồng thời đề cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND, các Ủy viên UBND, tập trung chỉ đạo, điều hành công việc thường xuyên và chuẩn bị các vấn đề quan trọng để tập thể UBND bàn, ra quyết định, kịp thời giải quyết những vấn đề về quản lý hành chính ở địa phương. Những vấn đề, vụ việc phát sinh nếu đã rõ, đúng quy định thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên UBND quyết định theo thẩm quyền; những vấn đề chưa rõ, phức tạp thì Chủ tịch UBND chỉ đạo cơ quan tham mưu đề xuất, đưa ra trao đổi, thảo luận trong tập thể UBND để thống nhất phương án giải quyết.

III. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA UBND CÁC CẤP

² Thực hiện tự kiểm tra các quyết định quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành, kết quả các quyết định của UBND tỉnh ban hành đúng thẩm quyền và trình tự theo quy định của pháp luật, nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản không phát hiện có sai sót.

1. Số lượng, cơ cấu, chất lượng thành viên UBND các cấp

- Cấp tỉnh: Hiện tại tổng số Thành viên UBND tỉnh có 23/26 người, trong đó có Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 19 Ủy viên; trình độ chuyên môn: 01 tiến sĩ (4,3%); 12 thạc sĩ (52,2%); 10 đại học (43,5%), 100% có trình độ từ cao cấp lý luận chính trị trở lên.

- Cấp huyện: Tổng số Thành viên UBND cấp huyện có 258 người, trong đó: 14 Chủ tịch, 01 Quyền Chủ tịch, 32 Phó Chủ tịch và 210 Ủy viên; trình độ chuyên môn: 29 thạc sĩ (11,2%), 229 đại học (88,8%); trình độ chính trị: 231 cao cấp (89,5%), 14 trung cấp (10,5%).

- Cấp xã: Hiện tại tổng số Thành viên UBND xã, phường, thị trấn là 666 người; trình độ chuyên môn: 10 thạc sĩ (1,5%), 416 đại học (62,5), 240 trung cấp (36%); trình độ chính trị: 01 cử nhân (0,15%); 116 cao cấp (17,4%), 478 trung cấp (7,2%).

2. Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp và các chức danh chuyên môn của UBND cấp xã

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và các văn bản hướng dẫn chi tiết của Bộ quản lý ngành. UBND tỉnh đã cụ thể hóa quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức đối với 20/20 cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, đồng thời hướng dẫn cho UBND cấp huyện quy định theo thẩm quyền về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các phòng chuyên môn trực thuộc các huyện, thành phố theo đúng quy định của Chính phủ và các văn bản của Bộ quản lý ngành, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý. UBND cấp huyện bình quân mỗi huyện là 11 cơ quan chuyên môn, riêng huyện Kiên Hải có 10 cơ quan chuyên môn (mỗi huyện giảm bình quân 2 cơ quan).

Thực hiện sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng cơ quan, đơn vị theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 29/12/2017 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/5/2018 thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU: từ 2015 đến nay, UBND tỉnh tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện giảm được 68/362 phòng, ban chuyên môn, tỉ lệ 18,7% (trong đó cấp tỉnh giảm 44/173 phòng, ban và cấp huyện giảm 24/189 phòng, ban). Đối với đơn vị sự nghiệp, đã thực hiện giảm được 20 đơn vị, đến nay tỉnh đã giảm 84 đơn vị sự nghiệp, đạt tỉ lệ 84% so với lộ trình năm 2015-2021.

Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã đủ chức danh và số lượng theo quy định của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách; Nghị định số 112/2011/NĐ-

CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 giao số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 06/02/2014 ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn, căn cứ vào loại hình đơn vị hành chính bố trí như sau: xã loại 1 bố trí 23 cán bộ, công chức; xã loại 2 bố trí 21 cán bộ, công chức. Tổng số cán bộ, công chức là 3.105 người, trong đó cán bộ 1.537, công chức 1.568.

IV. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA UBND CÁC CẤP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp

Việc tổ chức triển khai và phân công thực hiện các chủ trương của Chính phủ và Tỉnh ủy có nhiều chuyển biến, tiến bộ hơn. Trình phê duyệt nhiệm vụ và lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế trên địa bàn đạt được kết quả quan trọng, thực hiện tốt đầu tư công chú trọng ưu tiên cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh xây dựng cơ bản và giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước, nhất là công trình vốn trái phiếu Chính phủ, các chương trình mục tiêu... Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, thực hiện liên doanh, liên kết, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu với nâng cao giá trị nông sản. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành các vùng trồng lúa hàng hóa quy mô lớn, có hạ tầng phục vụ sản xuất đồng bộ. Chủ động phòng chống hạn, mặn và phòng trừ các loại dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, huy động vốn toàn xã hội trên địa bàn để đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, bệnh viện, các trung tâm thương mại huyện, chợ xã và nhà ở cho người nghèo.

Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư về đất đai, bồi thường và giải phóng mặt bằng, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án. Tập trung phát triển kinh tế tập thể với nhiều loại hình hợp tác đa dạng; chú trọng phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác ở các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, giao thông... tăng cường liên kết phối hợp sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh,

tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm; khuyến khích kinh tế tư nhân hợp tác, liên kết với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể.

Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, tích cực triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng theo chủ trương của Chính phủ, gắn với tập trung xử lý vướng mắc với đẩy mạnh việc thực hiện giải ngân hỗ trợ an sinh xã hội, bảo đảm y tế cho người nghèo, cận nghèo, khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, hỗ trợ ngư dân, người có công, bảo trợ xã hội. Qua đó góp phần thiết thực giảm bớt khó khăn của các đối tượng chính sách và một bộ phận Nhân dân.

Chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI.

Chỉ đạo các ngành địa phương thực hiện có hiệu quả phòng, chống dịch bệnh gắn với kiểm tra việc chấp hành vệ sinh an toàn thực phẩm, tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho tuyến huyện và cơ sở.

Quốc phòng - an ninh tiếp tục được giữ vững và tăng cường, an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo. Tiếp tục mở rộng tăng cường, quan hệ đối ngoại, nhất là các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 giai đoạn năm 2016-2020, bên cạnh kế thừa những thành tựu từ giai đoạn trước các yếu tố thuận lợi, nền kinh tế tỉnh nhà vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thử thách. Ngay từ đầu năm 2016, tỉnh đã đối mặt với tình trạng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng nhất trong lịch sử, dịch bệnh, chăn nuôi; trong quá trình chỉ đạo, điều hành toàn hệ thống đã tập trung đề ra nhiều giải pháp để khắc phục và từng bước thích ứng. Tuy nhiên đến năm 2020, dịch bệnh Covid-19 xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, cùng lúc đã tác động, ảnh hưởng đến nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh. Song sự kiên định và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cùng các tầng lớp nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội 5 năm qua của tỉnh đã đạt những thành tựu quan trọng; trong 23 chỉ tiêu kế hoạch đề ra, có 06 chỉ tiêu vượt kế hoạch, 09 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 08 chỉ tiêu không đạt kế hoạch. Cụ thể một số kết quả như sau:

2.1. Về các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 04 năm 2016-2019 đạt 7,21%/năm, năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 ước tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh chỉ tăng 3,05% so với năm 2019. Do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2016-2020 chỉ đạt 6,37%/năm. GRDP bình quân đầu người ước đạt 56 triệu đồng/người/năm, gấp 1,53 lần so với năm 2015.

Một số chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch: sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản; tỷ lệ đường liên ấp, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường; giải quyết việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo; tỷ lệ hộ nghèo; giảm tỷ lệ sinh; tăng dân số tự nhiên; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ xã nông thôn mới; tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ sử dụng điện; tỷ lệ che phủ rừng; tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải.

Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch: tốc độ tăng trưởng kinh tế; GRDP bình quân đầu người; sản lượng lương thực; giá trị sản xuất công nghiệp; kim ngạch xuất khẩu; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ; tổng thu ngân sách; huy động vốn đầu tư toàn xã hội.

2.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển trên các lĩnh vực

- Tái cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Đã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đến nay, toàn tỉnh có 79/117 xã đạt tiêu chí nông thôn mới; huyện Tân Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới và tiến tới công nhận thêm 02 huyện (Giồng Riềng, Gò Quao) đạt chuẩn nông thôn mới. Sản xuất công nghiệp hướng đến gia tăng hàm lượng công nghệ, nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm theo chuỗi giá trị ngành hàng. Hạ tầng thương mại phát triển, hàng hóa phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân. Nhiều ngành dịch vụ như công nghệ thông tin, truyền thông, vận tải, tài chính, ngân hàng... phát triển khá. Hoạt động xuất khẩu tiếp tục được đẩy mạnh, thị trường xuất khẩu mở rộng với 35 quốc gia và vùng lãnh thổ. Ngành du lịch phát triển mạnh trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; các chỉ tiêu về lượt khách, doanh thu liên tục tăng trưởng, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả. Thu ngân sách tăng trưởng khá; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng, chi thường xuyên có xu hướng giảm. Khai thác tốt hơn tiềm năng, thế mạnh từng vùng kinh tế và tăng cường sự liên kết để cùng phát triển. Kinh tế biển được chú trọng phát triển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo; tăng trưởng kinh tế biển chiếm 80% GRDP toàn tỉnh. Hệ thống đô thị tiếp tục được mở rộng, phát triển và định hình ngày càng rõ nét.

- Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống Nhân dân: Thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng giáo dục các cấp học từng bước được nâng lên; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông duy trì ở mức cao; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân ngày càng được cải thiện; chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao. Các chỉ tiêu an sinh xã hội quan trọng của tỉnh có những bước

tiến triển rõ rệt, như: tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,62%/năm; số người tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là đối tượng chính sách tăng qua các năm, đến năm 2020 ước đạt 90%. Các giải pháp tạo việc làm được chú trọng, nhất là giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn. Các chính sách giảm nghèo được thực hiện tốt, lồng ghép với nhiều chương trình, kế hoạch khác nhau như y tế, chăm sóc người già và trẻ em. Phát triển văn hoá, phát triển con người về mọi mặt có những chuyển biến tích cực với nhiều mô hình, điển hình tiên tiến được nhân rộng. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, trẻ em, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm. Thể dục, thể thao thành tích cao có bước tiến bộ. Tiềm lực khoa học và công nghệ được tăng cường, ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực; hoạt động buru chính, viễn thông, thông tin và truyền thông có nhiều đổi mới, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc, hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu sinh hoạt của người dân.

- **Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường** có nhiều chuyển biến tích cực; công tác quản lý đất đai từng bước đi vào nề nếp và chặt chẽ hơn. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện được lập theo quy định và tổ chức thực hiện tốt. Chủ động triển khai nhiều giải pháp phòng, chống lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bãi biển; ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong cộng đồng được nâng lên.

- **Thực hiện ba khâu đột phá có nhiều chuyển biến tích cực.** (i) Cải cách hành chính được chú trọng, nhất là cải cách thủ tục hành chính; tỷ lệ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng và trước hạn ngày càng tăng lên. Triển khai xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa; mở rộng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4... Nguồn nhân lực tăng lên cả về số lượng và chất lượng; các chính sách giải quyết việc làm được chú trọng; lao động sau đào tạo có việc làm đạt 84%. (ii) Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung nguồn lực đầu tư; nhiều công trình, dự án trọng điểm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hoàn thành đưa vào khai thác 120/286 km đường tỉnh, 6.359/7.084 km đường liên ấp, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa. (iii) Thành phố Phú Quốc phát triển nhanh và hiệu quả theo quy hoạch; kết cấu hạ tầng được chú trọng; thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước; nhiều công trình trọng điểm được mở rộng và đưa vào sử dụng có hiệu quả, thật sự trở thành động lực phát triển của tỉnh.

- **Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng**, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao nhận thức và nêu cao vai trò của người đứng đầu cơ quan; tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- **Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ**; chủ động phát hiện, kịp thời đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, tội phạm, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh trên tuyến biên giới. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là một số tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia... góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển.

- **Công tác dân tộc, tôn giáo:** Kịp thời triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc; góp phần cải thiện mức sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc từ 13,89% năm 2016 xuống còn 3,4% năm 2020. Quan tâm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc. Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo được quan tâm, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các yêu cầu chính đáng của các tôn giáo; các tôn giáo nghiêm túc chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia thực hiện các hoạt động an sinh - xã hội ở địa phương.

- **Về tổ chức chỉ đạo và kết quả việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở:**

Thực hiện Chương trình số 08-CTr/TU ngày 25/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ Luật Lao động thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị định số 04 đã được quán triệt trong toàn tỉnh. Các cấp chính quyền, thủ trưởng các ngành đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai việc xây dựng về thực hiện quy chế dân chủ ở các loại hình gắn với cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nghị định của Chính phủ. Chỉ đạo quyết liệt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước. Các cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục sửa đổi nội quy, quy chế phù hợp; công khai minh bạch các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, theo hướng gần dân, sát dân, tôn trọng và tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ liên quan đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân, tạo sự gắn bó giữa cấp ủy đảng, chính quyền với Nhân dân; phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những khuyết điểm, hạn chế như sau:

Công tác phổ biến các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến quy chế dân chủ ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị còn hạn chế, các nội dung công khai đến Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động biết chưa đầy đủ; triển khai một số dự án, chính sách liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người dân chưa kịp thời, có mặt, có việc còn sai sót dẫn đến khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp. Một số nơi chưa thực hiện tốt việc tiếp dân theo Luật Tiếp công dân.

Việc thực hiện một số nội dung theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 có nơi còn hình thức, nội dung công khai chưa đầy đủ, chưa tạo được thuận lợi cũng như chưa khuyến khích cho người dân tiếp cận thông tin. Chưa thực hiện đầy đủ, đúng quy trình việc công khai, lấy ý kiến Nhân dân thực hiện các chương trình, dự án; một số người dân bị kẻ xấu kích động, lợi dụng dân chủ khiếu kiện kéo dài, làm khó khăn cho các cơ quan nhà nước trong tiếp nhận, xử lý giải quyết vụ việc.

Việc triển khai Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3, Điều 63 của Bộ Luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, nhiều doanh nghiệp tổ chức thực hiện chưa đi vào nền nếp, nhiều doanh nghiệp chưa phát huy tính chủ động của tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và người lao động. Nhận thức của người sử dụng lao động còn hạn chế, chưa công khai đầy đủ các quy định đến người lao động; quyền quyết định của người lao động tại một số doanh nghiệp còn mang tính hình thức; việc nắm bắt thông tin, giải quyết những kiến nghị của người lao động còn hạn chế. Một số người lao động ngại va chạm ít tham gia đóng góp ý kiến, thực hiện quyền giám sát, chủ yếu thông qua hoạt động của công đoàn, Ban thanh tra nhân dân.

- Về giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân: Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm chỉ đạo, coi trọng đối thoại, tập trung giải quyết cơ bản ổn định các vụ khiếu kiện phức tạp, đông người, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương. Tập trung chỉ đạo giải quyết có hiệu quả một số vụ phức tạp liên quan đến dân tộc, tôn giáo, khiếu nại đông người kéo dài, nhất là tranh chấp đất đai, giải quyết đền bù, tái định cư, phát triển kết cấu hạ tầng ở một số huyện trong tỉnh, góp phần ổn định an ninh trật tự, sản xuất và đời sống ở địa phương. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện theo quy định, từ năm 2016 đến nay, 100% các vụ khiếu nại ở cấp tỉnh được giải quyết, ở cấp cơ sở đạt trên 90%. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp Chủ tịch UBND huyện, xã thực hiện việc trực tiếp tiếp công dân chưa đúng theo quy định của Luật Tiếp công dân. Năng lực, trình độ, tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, còn chủ quan chưa thận trọng nghiên cứu đơn khiếu nại, tố cáo của công dân nên giải quyết một số trường hợp chưa đảm bảo chất lượng, hiệu quả thấp, cán bộ tiếp công dân một số huyện chưa thường xuyên lắng nghe ý kiến của Nhân dân để gắn việc tiếp công dân với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, từ đó bị phần tử xấu vận động, xúi giục khiếu nại không đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, gây áp lực đối với chính quyền.



3. Công tác cải cách hành chính, phân cấp quản lý hành chính và thực hiện quy chế làm việc của UBND các cấp

3.1. Thực hiện công tác cải cách hành chính

- Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành 02 kế hoạch để triển khai các nội dung nêu trên³. Để đảm bảo chương trình cải cách hành chính triển khai có hiệu quả, hàng năm UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch thông tin tuyên truyền và kế hoạch thi đua theo chuyên đề về cải cách hành chính để triển khai thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện căn cứ nhiệm vụ được giao ban hành kế hoạch cụ thể hóa và triển khai thực hiện phù hợp tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Đến nay, hầu hết các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được thực hiện, đảm bảo nội dung và tiến độ theo kế hoạch đề ra.

UBND tỉnh đã ban hành quy định đánh giá, chấm điểm thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, theo đó hàng năm đều tổ chức đánh giá, chấm điểm và xếp hạng cải cách hành chính cho các sở, ngành và UBND cấp huyện theo các tiêu chí đã ban hành; trong quá trình thực hiện luôn có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện của tỉnh và Bộ Chỉ số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ ban hành. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh đoàn triển khai tuyên truyền công tác cải cách hành chính đến đoàn viên trong toàn tỉnh; triển khai phương pháp đo lường mức độ hài lòng của tổ chức và công dân đối với dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh; hàng năm duy trì từ 04 đến 06 lớp tập huấn cho công chức các sở, ngành; UBND cấp huyện và công chức cấp xã.

Nhằm đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao, UBND tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được duy trì, thực hiện liên tục. Qua các đợt đánh giá, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công bố xếp hạng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, trên cơ sở đó quyết định khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm. Để đánh giá, đo lường sự hài lòng của tổ chức và cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện điều tra, khảo sát đo lường sự hài lòng, cụ thể: Năm 2017 điều tra, khảo sát tại 04 đơn vị cấp huyện và 12 đơn vị cấp xã; năm 2018 điều tra, khảo sát tại 15 đơn vị cấp huyện và năm 2019 điều tra, khảo sát tại 47 đơn vị cấp xã. Sau các đợt điều tra, khảo sát UBND tỉnh ban hành quyết định công bố mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước.

³ Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 17/01/2012 về thực hiện chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 03/6/2016 về CCHC Nhà nước giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh tất cả các thủ tục hành chính đều được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cấp tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công (chính thức đưa vào hoạt động từ tháng 8/2019) để thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Cấp huyện, 15/15 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được kiện toàn trực thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cấp xã, 145/145 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được kiện toàn do Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo, phụ trách thực hiện tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. UBND tỉnh cũng đã triển khai đưa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan ngành dọc như: Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Công an tỉnh... vào thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, cấp xã.

- Triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh với (tổng số 1.008 thủ tục hành chính). Kết quả từ năm 2018 đến nay, bình quân hàng năm tiếp nhận và trả kết quả trên 180.000 hồ sơ, trong đó tiếp nhận và trả kết quả trên 43.000 hồ sơ; trả kết quả trên 137.000 hồ sơ.

3.2. Thực hiện phân cấp quản lý hành chính

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã tổ chức triển khai quán triệt đến các cấp, các ngành trong tỉnh; đồng thời ban hành văn bản phân cấp quản lý nhà nước về quản lý ngân sách, quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ bản, biên chế, quản lý cán bộ, công chức.

Việc thực hiện phân cấp quản lý ngân sách, công khai các nguồn thu, khoản chi theo hướng ổn định, tạo tính chủ động cho sở, ban, ngành tỉnh và địa phương trong việc thực hiện cân đối thu chi ngân sách (tăng cường phân cấp quản lý ngân sách cho cấp huyện về vốn xây dựng cơ bản và y tế, giáo dục), tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn, tài sản đã góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính, sử dụng có hiệu quả hơn ngân sách, tài sản nhà nước.

Phân cấp và thực hiện phân cấp được đẩy mạnh ở hầu hết các lĩnh vực quản lý hành chính đã tạo sự chủ động, năng động và trách nhiệm cho cấp dưới; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các huyện, thành phố được sắp xếp tương đối gọn đầu mối, chức năng, nhiệm vụ khá rõ ràng, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Đã tập trung xây dựng và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức,

gắn quy hoạch với đào tạo và bố trí sử dụng cán bộ, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được nâng lên một bước.

Việc khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính của một vài cơ quan, đơn vị thực hiện chưa nghiêm, vẫn còn tâm lý ỷ lại, trông chờ vào ngân sách nhà nước; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập định mức phân bổ chi thường xuyên còn thấp; thiếu tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ; chậm ban hành hướng dẫn chuyển đổi đơn vị sự nghiệp sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, loại hình ngoài công lập nhằm phát huy mọi khả năng của đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật. Còn nhiều đơn vị sự nghiệp chưa xây dựng đề án quản lý sử dụng tài sản công để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/11/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Tuy nhiên, việc thực hiện các mục tiêu, chương trình tổng thể thời gian qua có mặt còn hạn chế, có mục tiêu chưa đạt, chất lượng hiệu quả chưa cao, chưa tạo được bước chuyển biến có tính đột phá. Việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách trên một số lĩnh vực còn chậm và chưa đầy đủ; cải cách thủ tục hành chính chưa quyết liệt; giải quyết công việc hành chính ở một số lĩnh vực như: đất đai, đầu tư dự án... còn có trường hợp kéo dài thời gian so với quy định; chất lượng thực hiện cơ chế một cửa còn thấp, việc triển khai cơ chế một cửa liên thông trên một số lĩnh vực chậm và lúng túng. Bộ máy tổ chức tuy có giảm đầu mối nhưng chưa tinh gọn, hiệu quả; thực hiện phân cấp quản lý có nơi chưa tốt. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, một bộ phận còn quan liêu, nhũng nhiễu, thiếu tôn trọng Nhân dân khi đến liên hệ làm việc.

3.3. Thực hiện quy chế làm việc của UBND các cấp

Căn cứ các quy định của pháp luật, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc để thống nhất điều hành các hoạt động của UBND tỉnh, qua đó, quy định rõ về phạm vi, trách nhiệm, phương thức giải quyết công việc và mối quan hệ công tác của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thành viên UBND tỉnh, đồng thời cũng thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và điều kiện chung của tỉnh, giúp cho việc quản lý, điều hành của UBND tỉnh khoa học chặt chẽ. Nhìn chung trong chỉ đạo, lãnh đạo, UBND và cá nhân Chủ tịch UBND đã thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc.

Các chủ trương, quyết định của UBND cơ bản được đề ra trên cơ sở thảo luận dân chủ, tranh luận thẳng thắn, thống nhất cao. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng sự lãnh đạo của tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân. Khi đã có chủ trương, thì chỉ đạo thực hiện quyết liệt, dồn sức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, nâng cao vai trò trách nhiệm của các cơ quan tham mưu và cá nhân phụ trách, đồng thời tranh thủ sự lãnh đạo của cấp trên. Các quyết định, chủ trương thể hiện đúng định hướng quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và phù hợp với thực tế cuộc sống.

Các hoạt động của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND đều chấp hành nghiêm theo sự chỉ đạo của theo đúng quy định của pháp luật, chỉ đạo của cơ quan cấp trên và quy chế làm việc của UBND; trong quá trình chỉ đạo, điều hành bảo đảm tuân thủ nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; phát huy vai trò của tập thể gắn với việc đề cao trách nhiệm cá nhân, các Thành viên UBND tỉnh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Duy trì thực hiện nghiêm việc họp thường kỳ thành viên UBND hàng tháng, quý, 06 tháng và năm để đánh giá kết quả đạt được, đề ra kế hoạch, chương trình điều hành phù hợp. Định kỳ hàng tháng tổ chức họp giao ban từ 01 đến 02 lần/tháng giữa Chủ tịch UBND tỉnh với các Phó Chủ tịch UBND để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh.

Tuy nhiên công tác chỉ đạo triển khai quán triệt, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết ở các cấp, các ngành từng lúc, từng nơi còn chậm, thiếu đồng bộ, nên hàng năm vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt so với nghị quyết của HĐND. Việc thực hiện quy chế làm việc có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn một số hạn chế. Việc chuẩn bị văn bản thông qua thành viên UBND tỉnh, một số sở tham mưu chất lượng chưa cao, cá biệt có nội dung chưa đạt yêu cầu, thành phần tham dự một số cuộc họp quan trọng do UBND tỉnh tổ chức không đúng, nhất là sở ngành đã ảnh hưởng đến chất lượng cuộc họp.

4. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới

UBND các cấp, nhất là UBND tỉnh đã có nhiều cố gắng trong kiểm tra việc thi hành chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Hoạt động kiểm tra được tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu, bức xúc của từng cấp, trong hoạt động kiểm tra đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Hàng năm, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành rà soát các văn bản lấy ý kiến phản biện xã hội đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và mời họp lấy ý kiến trước khi ban hành. Do đó, các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh khi giải quyết đã có tác động tích cực đến các vấn đề bức xúc ở địa phương bảo đảm thi hành nghiêm các quy định của pháp luật và nghị quyết của HĐND.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về ưu điểm

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng bộ, quân dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra. Tỉnh có bước phát triển khá nhanh và toàn diện trên các lĩnh vực. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển; có nguồn thu ngân sách đứng thứ 2 vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Chất lượng giáo dục đạt

mức khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và trên mức bình quân chung của cả nước; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; an sinh xã hội được bảo đảm. Quốc phòng - an ninh được củng cố, tăng cường, chủ quyền biên giới quốc gia, biển đảo được giữ vững. Công tác đối ngoại được mở rộng, hiệu quả được nâng lên.

Đạt được những kết quả trên là nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ; sự giúp đỡ, hỗ trợ của các Bộ, ban, ngành Trung ương; những kết quả trong đầu tư phát triển từ các nhiệm kỳ trước; sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, dân và quân trong tỉnh; tinh thần đoàn kết thống nhất cao trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và lãnh đạo các địa phương, đơn vị; sự ủng hộ của các thế hệ cán bộ lãnh đạo tiền nhiệm và sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

2. Về hạn chế, tồn tại

Kinh tế - xã hội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện, năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Việc thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài, các dự án lớn, mang tính động lực. Giá trị sản xuất công nghiệp và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng không đạt kế hoạch đề ra. Thu ngân sách Nhà nước tăng khá, nhưng cơ cấu thu chưa bền vững. Phát triển chăn nuôi thiếu tính ổn định. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất, khu dân cư chưa được khắc phục hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản chưa thường xuyên; phát hiện, xử lý một số sai phạm chưa kịp thời. Các loại hình và sản phẩm du lịch phát triển chưa đa dạng; nguồn nhân lực phục vụ du lịch vừa thiếu, vừa yếu; công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch còn hạn chế. Đời sống một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; chất lượng nguồn nhân lực chuyên môn chưa nhiều. Tình hình an ninh biên giới, biển đảo, an ninh nông thôn, an ninh thông tin, tội phạm, tệ nạn xã hội, tranh chấp khiếu kiện trong Nhân dân từng lúc còn diễn biến phức tạp; tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định.

3. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại

Nguyên nhân khách quan là tỉnh ở xa các trung tâm kinh tế - văn hóa lớn của đất nước, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, một số cơ chế chính sách còn bất cập, bố trí nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu; ảnh hưởng của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn gây nhiều bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân; dịch bệnh Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh nói riêng.

Nguyên nhân chủ quan: Tinh thần trách nhiệm, nhất là người đứng đầu của một số đơn vị chưa cao. Người đứng đầu các sở, ngành và địa phương chưa thực hiện nghiêm quy chế làm việc của UBND tỉnh, Quy chế phối hợp các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ trong lãnh đạo tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn thiếu sâu sát, thiếu quyết liệt, nhất là trong xử lý một số

vấn đề vướng mắc thuộc thẩm quyền, từng lúc còn ngại trách nhiệm, chưa dám quyết sự phối hợp giữa các đơn vị với nhau từng lúc thiếu chặt chẽ, đồng bộ, không kịp thời, vẫn còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, trông chờ, ỷ lại, do đó lãnh đạo UBND tỉnh phải tổ chức nhiều cuộc họp, mất nhiều thời gian để xử lý, có vụ việc mặc dù đã được xử lý, chỉ đạo thực hiện nhưng chưa quan tâm thực hiện đến nơi, đến chốn, còn buông lơi... từ đó tác động đến hiệu quả điều hành trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh. Công tác dự báo tình hình từng lúc chưa thật chính xác; trong chỉ đạo chưa mạnh dạn đề ra các cơ chế, chính sách, giải pháp có tính đột phá.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2021-2026

1. Công tác thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Tiếp tục tổ chức triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện kịp thời các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện cụ thể bằng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025 và các kế hoạch chuyên đề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Lãnh đạo chính quyền các cấp thể hiện quyết tâm chính trị cao, quyết tâm hành động quyết liệt, sáng tạo, tận dụng hiệu quả thế mạnh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Vận dụng linh hoạt chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước để chỉ đạo, điều hành đạt chất lượng toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng chính quyền và cải cách hành chính; tổ chức sơ kết thực hiện các kế hoạch chuyên đề, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu kế hoạch đề ra của nhiệm kỳ; thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các ngành có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp

- Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy và nhân sự UBND các cấp trên cơ sở đó chuẩn bị nhân sự UBND các cấp nhiệm kỳ tới.

- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả trong từng cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết Trung ương số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết Trung ương số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.



3. Công tác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp

Phấn đấu hàng năm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu. Khai thác tốt các nguồn lực trong tỉnh và thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Nhiệm vụ trọng tâm là phát triển cây trồng, hàng hóa, chăn nuôi thủy sản, phát triển làng nghề, tăng cường thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất và phát triển du lịch.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo; bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; tiếp tục cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trong tỉnh. Nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng và thực hiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đề án đào tạo nghề và chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường. Tiếp tục thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Xây dựng và thực hiện phương án đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác hòa giải và giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân tại cơ sở.

4. Công tác cải cách hành chính, phân cấp quản lý hành chính và thực hiện quy chế làm việc của UBND các cấp

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 17/01/2012 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Triển khai thực hiện cải cách hành chính từ nay đến hết nhiệm kỳ và giai đoạn 2016-2021. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa và mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư.

Các nhiệm vụ công tác khác của UBND các cấp: Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, đồng thời tiến hành rà soát và đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa UBND tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thành phố trên các lĩnh vực quản lý ngân sách, quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, nhà đất, biên chế và quản lý cán bộ.

5. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới

UBND các cấp xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thi hành chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương. Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu, bức xúc của từng cấp, trong hoạt động kiểm tra cần phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Nhằm giải quyết



các vấn đề bức xúc ở địa phương bảo đảm thi hành nghiêm các quy định của pháp luật và nghị quyết của HĐND.

Phần III KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết Luận:

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, UBND các cấp không ngừng đổi mới về nội dung và phương thức để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, góp phần quan trọng vào việc giữ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, lề lối làm việc được cải tiến mối quan hệ giữa HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng và UBND cấp dưới được tăng cường, vai trò của UBND các cấp được nâng lên. Thực hiện vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh đã quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách, các biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, quyết định các vấn đề xây dựng chính quyền địa phương. Các hoạt động tiếp dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng, giải quyết các kiến nghị của người dân đã được UBND các cấp quan tâm, giải quyết kịp thời, người dân ngày càng tin tưởng và quan tâm hơn đến hoạt động của chính quyền các cấp.

2. Kiến nghị, đề xuất:

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động của UBND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026./. *Ho*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT, btkien.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín